

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
CHUYÊN NGÀNH: CHÍNH SÁCH CÔNG
MÃ SỐ: 8340402.01

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHVN ngày tháng năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Chính sách công
 - + Tiếng Anh: Public Policy
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8340402.01
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Ngôn ngữ: Chương trình được giảng dạy bằng tiếng Anh, trừ 2 học phần sau: Triết học (tiếng Việt), Tiếng Nhật (tiếng Việt và tiếng Nhật). Luận văn tốt nghiệp được viết và bảo vệ bằng tiếng Anh.
- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ Chính sách công
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Public Policy
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Khoa học Xã hội liên ngành - Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Chính sách công là phát triển tư duy phản biện và kỹ năng cần thiết cho người học nhằm nhận diện, đánh giá và phân tích các vấn đề chính sách; tham gia, tổ chức và cải thiện quá trình chính sách vì sự phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập.

Trên quan điểm phát triển bền vững, với sự kết hợp của hai trụ cột chính là kinh tế và phát triển vùng và đô thị, chương trình được thiết kế tính đến các đặc trưng và yêu cầu

cụ thể của một nền kinh tế đang chuyển đổi song hành với liên kết và hội nhập khu vực/vùng và quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức: Người học có kiến thức chuyên sâu, mang tính liên ngành cả về lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực chính sách công.

Kỹ năng: Người học phát triển được các kỹ năng quản lý nhận thức, quản lý điều hành, quản lý bản thân cần thiết trong lĩnh vực chính sách công.

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: Người học phát triển phẩm chất đạo đức và thái độ tốt, tính trách nhiệm và sáng tạo cao. Hơn nữa, người học nhận thức được vai trò, tác động của chính sách công đối với các chủ thể của nền kinh tế - xã hội và trách nhiệm của nhà hoạch định, quản lý, chuyên gia và nghiên cứu viên về chính sách công.

3. Thông tin tuyển sinh

Phương thức xét tuyển: Xét tuyển thẳng, xét tuyển.

Thông tin tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN và đề án tuyển sinh của đơn vị được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

a. Kiến thức chung

PLO1	Vận dụng được những kiến thức chung về nguyên lý kinh tế chính trị và triết học trong phân tích chính sách công.
PLO2	Vận dụng được các kiến thức chung và phương pháp luận để phân tích các vấn đề thực tiễn theo cách tiếp cận liên ngành, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững ở quy mô địa phương, quốc gia và toàn cầu.
PLO3	Vận dụng những kiến thức cơ bản như kinh tế học, phân tích chính sách (lý thuyết và ứng dụng), quá trình hoạch định chính sách và phát triển bền vững để phân tích chính sách công.

b. Kiến thức chuyên ngành

PLO4	Phân tích và đánh giá được các chính sách công trên cơ sở vận dụng những kiến thức chuyên ngành trong các lĩnh vực khác nhau như phát triển kinh tế, chính sách phát triển đô thị và vùng, chính sách phúc lợi xã hội.
-------------	--

c. Yêu cầu đối với luận văn tốt nghiệp

PLO5	Sử dụng các phương pháp luận cụ thể và phù hợp như phương pháp thực nghiệm và đánh giá tác động trong đánh giá chính sách công.
-------------	---

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

a. Kỹ năng cứng

PLO6	Có khả năng vận dụng các kỹ năng phân tích và các phương pháp phân tích để trả lời nhiều loại câu hỏi chính sách khác nhau;
PLO7	Có khả năng giải quyết các vấn đề chính sách công bằng cách sử dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính và tư duy phản biện, diễn giải, trình bày và truyền đạt kết quả một cách hiệu quả;
PLO8	Có khả năng làm việc nhóm trong các công việc liên quan đến chính sách công như phân tích, đánh giá, lập kế hoạch, xây dựng và thực hiện chính sách công;
PLO9	Có khả năng vận dụng các kỹ năng nghiên cứu để thực hiện nghiên cứu độc lập và nguyên bản trong lĩnh vực chính sách công.

b. Kỹ năng khác

PLO10	Sử dụng thành thạo các kỹ năng mềm để tự định hướng và thích ứng với môi trường làm việc cạnh tranh như kỹ năng giải quyết vấn đề, quản lý thời gian, làm việc nhóm và thuyết trình; trình độ tin học thành thạo và khả năng làm việc độc lập;
PLO11	Sử dụng thành thạo Tiếng Anh (tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam);
PLO12	Vận dụng được văn hóa, phong cách kinh doanh và học thuật Nhật Bản.

3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

PLO13	Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo, năng động, tự tin, linh hoạt, tự tạo động lực và tự chủ;
PLO14	Đáp ứng các cam kết và trách nhiệm nghề nghiệp, nhiệt tình, chấp nhận rủi ro, tôn trọng sự đa dạng;
PLO15	Coi trọng tinh thần yêu nước, tự trọng, sự hưởng ứng cộng đồng, tinh thần kỷ luật, các giá trị đạo đức, hiến pháp và pháp luật.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình có khả năng đáp ứng tốt các yêu cầu về việc làm trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Một số vị trí công việc có thể đảm nhiệm như:

- Cán bộ phân tích, nghiên cứu chính sách, hoạch định chính sách trong các cơ quan quản lý Nhà nước từ trung ương đến địa phương, các tổ chức quốc tế và phi chính phủ;

- Nhà nghiên cứu, giảng viên tại các cơ quan nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước có chuyên ngành chính sách công và phát triển..

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Chính sách công, học viên có thể tiếp tục học chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế học, Quan hệ quốc tế, Chính sách công và các chương trình phù hợp khác tại các trường đại học trong và ngoài nước, trong đó trước hết là các trường đại học Nhật Bản thông qua học bổng MEXT.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	62 tín chỉ
- Khối kiến thức chung (bắt buộc)	09 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	28 tín chỉ
+ Bắt buộc	18 tín chỉ
+ Tự chọn	10 tín chỉ/32 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học	25 tín chỉ
+ Chuyên đề nghiên cứu	11 tín chỉ
+ Luận văn Thạc sĩ	14 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	140	
2	ENG5001	Tiếng Anh B2 (SĐH)* <i>English B2(Postgraduate)</i>	5	75	0	175	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		28				
II.1	Các học phần bắt buộc		18				
3	VJU6001	Cơ sở khoa học bền vững <i>Basic of Sustainability Science</i>	3	30	30	90	
4	VJU6002	Phương pháp luận và Hệ thống thông tin cho Khoa học bền vững <i>Methodology and Informatics for Sustainable Science</i>	3	30	30	90	VJU6001
5	MPP6001	Kinh tế vi mô cho chính sách công <i>Microeconomics for Public Policy</i>	2	20	20	60	
6	MPP6002	Kinh tế vĩ mô cho chính sách công <i>Macroeconomics for Public Policy</i>	2	20	20	60	
7	MPP6003	Phân tích chính sách công <i>Public Policy Analysis</i>	3	30	30	90	
8	MPP6004	Phân tích định lượng cho chính sách công <i>Quantitative Analysis for Public Policy</i>	3	30	30	90	
	<i>Học viên lựa chọn một trong hai học phần tiếng Nhật VJU5004, VJU5010 dưới đây dựa theo kết quả kiểm tra đầu vào:</i>		<i>2/4</i>				
9	VJU5004	Tiếng Nhật <i>Japanese Language Beginner</i>	2	5	50	45	
10	VJU5010	Tiếng Nhật nâng cao <i>Japanese Language Upper</i>	2	20	20	60	JLPT N2
II.2	Các học phần tự chọn		10/32				
11	MPP6013	Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn <i>Agriculture and Rural Development Policy</i>	3	30	30	90	
12	MPP6008	Tài chính phát triển <i>Development Finance</i>	3	30	30	90	
13	MPP6009	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	30	30	90	
14	MPP6010	Kinh tế học và chính sách cho phát triển đô thị và vùng <i>Economics and Policy of Urban and Regional Development</i>	3	30	30	90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
15	MPP6014	Chính sách giáo dục <i>Education Policy</i>	3	30	30	90	
16	MPP6015	Kinh tế chính trị quốc tế <i>International Political Economy</i>	3	30	30	90	
17	VJU5100	Tiếng Nhật I <i>Japanese Language I</i>	2	10	20	70	VJU5004
18	VJU5101	Tiếng Nhật II <i>Japanese Language II</i>	2	10	20	70	VJU5010
19	MPP6007	Lãnh đạo <i>Leadership</i>	2	20	20	60	
20	MCE6020	Nguyên lý và phương pháp đánh giá hoạt động <i>Principle and Method of Performance Evaluation</i>	3	30	30	90	
21	MPP6011	Chính sách phúc lợi xã hội <i>Social Welfare Policy</i>	2	20	20	60	
22	MCE6004	Quy hoạch và chính sách giao thông <i>Transportation Planning and Policy</i>	3	30	30	90	
III	Nghiên cứu khoa học		25				
III.1	Chuyên đề nghiên cứu		11				
23	VJU7200	Tiếng Anh học thuật và kỹ năng nghiên cứu <i>Academic English and Research Skills</i>	2	20	20	60	
24	VJU7201	Thống kê cho Khoa học xã hội <i>Statistics for Social Sciences</i>	2	20	20	60	
25	MPP 6016	Phương pháp nghiên cứu <i>Research Methodology</i>	3	30	30	90	
26	MPP6200	Thực tập nghiên cứu <i>Research Internship</i>	4	0	120	80	
III.2	Luận văn thạc sĩ		14				
27	MPP7001	Luận văn thạc sĩ <i>Master's Thesis</i>	14	0	0	700	48 tín chỉ

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lý thuyết (2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận (3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá.

* Học phần Tiếng Anh B2 (SDH) là học phần điều kiện, có khối lượng 5 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học

phần Tiếng Anh B2 (SDH) không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo.